

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/06/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P3+P11	7:25	2+19	0+0		0+22	0+0	
2		P2+P8	7:25	20+2	0+0		17+5	0+0	
3		TD1+P7	7:25	22+0	0+0		12+10	0+0	
4		RP2+BK16+P10	9:25	4+0+18	0+0+0		0+0+20	0+0+0	chuyen 1 bk16-p10
5		C10+P9	9:25	13+9	0+0		5+17	0+0	
6		BK20+TD3+BK10	9:25	2+13+6	0+0+0		0+9+13	0+0+0	
7		P10+Thor+TD5	11:25	19+0+2	0+0+0		11+9+2	0+0+0	
8		MRM+C10	11:25	1+20	0+0		1+21	0+0	
9		P2+P11+P9	11:25	5+4+12	0+0+0		2+4+16	0+0+0	chuyen 1 p11-p9

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày P11-2ng

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/06/2025	TO: P3 - P11	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: KHOÀN - MTHAO - HIẾU	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHẠM VĂN TRINH	P3	03	1	16	2	30	73	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ CÔNG THỜI	P3	04-05	2	22			69	XAYLAP	Vietnamese
3	VASYANKNI A.	P11	47	1	10			121	KH-THAC	Russian
4	BUI ANH SƠN	P11	35	1	4	2	40	70	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ VIỆT DŨNG	P11	29	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
6	KRAMARENKO	P11	46	1	3			67	KH-THAC	Russian
7	NGUYEN QUANG MINH	P11						79	ANTOAN	Vietnamese
8	NGÔ DUY KHIÊM	P11	37-38	2	10			69	YTE	Vietnamese
9	TRẦN VĂN BẢNG	P11	48	1	8			63	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG VĂN TRỌNG	P11	39	1	3			71	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN THIÊN THANH	P11	34	1	3			82	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG VĂN ĐỨC	P11	40-41	2	10			58	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN NHAN	P11	43	1	8			63	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM TRẦN HỮU PHÚC	P11	45	1	7			106	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN HUU NGU	P11	42	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN VĂN HÙNG	P11	28	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN DŨNG	P11	32-33	2	24			55	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN DOAN ĐỨC	P11	36	1	10			77	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN KHAN	P11	44	1	6			74	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN HAI TRUNG	P11	31	1	2			72	PSV	Vietnamese
21	HOANG VAN TRỌNG	P11	30	1	9			95	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P3	2	142	3	38	2	30	0		
2	P11	19	1.425	21	130	2	40	22		
TOTAL		21	1.567	24	168	4	70	22		
WEIGHT KG			1.567		168		70			

GRAND TOAL: 1.805 KGS

VSP REP.

Mel

VNH REP.

mao
Nguyễn Mai Phi

CAPTAIN

Sub



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/06/2025	TO: P2 - P8	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - TĐÔNG - TDUNG	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN KHÁC QUỐC	P2	73	1	5	1	20	68	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ ANH TU	P2	70-71	2	14			84	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐỨC HOANG HAI	P2	75	1	11			88	KH-THAC	Vietnamese
4	DOÀN THANH CÔNG	P2	76	1	7			73	KHI	Vietnamese
5	LÊ MINH PHỤNG	P2	77	1	9			78	KHI	Vietnamese
6	ĐÌNH TÙNG LAM	P2	61-62	2	13	3	17	73	T-TIN	Vietnamese
7	NGUYỄN TRUNG PHÁT	P2	63-64	2	14			92	T-TIN	Vietnamese
8	LÊ HỒNG CƯỜNG	P2	01	1	10	1	13	70	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ THANH LONG	P2	03	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
10	VÔ ANH NGỌC	P2	66-67	2	13			74	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN ĐỘ	P2						66	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ NGỌC LƯƠNG	P2	81	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
13	DUƠNG VĂN THUAN	P2	72	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
14	DUƠNG ĐÌNH QUẢN	P2	69	1	8			72	KH-THAC	Vietnamese
15	HA VĂN TRUNG	P2	78	1	9			72	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG VĂN SƯU	P2	74	1	5			78	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN HỮU BAO	P2	02	1	9			97	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG VĂN SƠN	P2	65	1	11			63	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM HIỆN TRƯỞNG	P2						66	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TRỌNG HOANG	P2	79-80	2	8			73	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN VĂN TOÀN	P8	26	1	14	1	20	71	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐỨC HẢO	P8	27	1	12			84	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P2	20	1.501	23	160	5	50	17		
2	P8	2	155	2	26	1	20	5		
TOTAL		22	1.656	25	186	6	70	22		
WEIGHT KG			1.656		186		70			

GRAND TOAL: 1.912 KGS

VSP REP.

VNH REP.

Vi.T. Thu Hong

CAPTAIN

N. Thie



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/06/2025	TO: TD1 - P7	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: VIỆT - N.CƯƠNG -	ETA: 09:30
VANG-1		TOAN	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HOANG VAN NAM	TD1	37	1	9	1	15	86	KHOAN	Vietnamese
2	ĐANG VIỆT KHÔI	TD1						75	KHOAN	Vietnamese
3	ĐINH VĂN TRỌNG	TD1	38	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH CHUNG	TD1	42-43	2	11			89	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN THIỆU	TD1	40	1	4			71	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM ĐỨC TUẤN	TD1	41	1	6			75	KHOAN	Vietnamese
7	ĐINH ĐỨC TIẾN	TD1	84	1	6			73	KHOAN	Vietnamese
8	MAI ANH TUẤN	TD1	85	1	5			77	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN QUỐC DŨNG	TD1	44	1	4			64	KHOAN	Vietnamese
10	BELYAEV S.	TD1	36	1	14			83	KH-THAC	Russian
11	VŨ TRUNG KIẾN	TD1	91	1	14			76	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN LÊ ĐĂNG QUANG	TD1	97	1	15	2	29	94	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ MINH TÙNG	TD1	94	1	14			71	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ HỒNG QUÂN	TD1	92-93	2	16			83	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN PHƯƠNG DUY	TD1	39	1	15			135	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN VĂN NGHĨA	TD1	98	1	16			82	DVL	Vietnamese
17	LÊ HOÀI THIÊN	TD1	99	1	16			78	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU VIỆT	TD1	96	1	16			62	DVL	Vietnamese
19	ĐỖ THANH TIẾN	TD1	95	1	10			79	DVL	Vietnamese
20	TRẦN ĐOÀN ĐOÀN	TD1	89-90	2	18			60	XAYLAP	Vietnamese
21	TRIỆU MINH HỒNG	TD1	86	1	15			69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD1	21	1.652	23	229	3	44	12		
2	P7	0	0	0	0	0	0	10		
TOTAL		21	1.652	23	229	3	44	22		
WEIGHT KG			1.652		229		44			

GRAND TOAL: 1.925 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/06/2025	TO: RP2 - BK16 - P10	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: XHOÀN - MTHAO - HIẾU	ETA: 11:40
<i>Xau -2</i>			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHẠM QUANG VINH	RP2	83-84	2	18			64	DVL	Vietnamese
2	TRẦN CÔNG BÌNH	RP2	81-82	2	13			67	DVL	Vietnamese
3	NGUYỄN TÂN HIẾU	RP2	78-80	3	18			54	DVL	Vietnamese
4	ĐỖ VĂN DOANH	RP2	01-02	2	19			76	DVL	Vietnamese
5	BAGRAMOV A.G.	P10	05	1	18			107	KH-THAC	Russian
6	K LỘC	P10	14	1	9			67	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ BAO AN	P10	09-10	2	13			76	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU HẬU	P10	17-18	2	8			85	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ANH KHOA	P10	76	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
10	PHÙNG ĐẠI DƯƠNG	P10	19	1	8			80	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN BAO LAM	P10	04	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ NGỌC NGUYỄN	P10						81	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ NGUYỄN HỒNG THANH	P10	08	1	7			82	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ TRI HAO	P10						67	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN PHAN PHI	P10	11-13	3	15			63	YTE	Vietnamese
16	DU TRẦN HUNG	P10	03	1	18			74	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN TRƯỞNG	P10	02	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P10	06	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN ĐỨC BA	P10	01	1	3			80	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ BAO TRUNG	P10	20	1	6			87	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN KHUÊ	P10	15	1	9			68	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM NGỌC THANH	P10	07	1	3			67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP2	4	261	9	68	0	0	0		
2	BK16	0	0	0	0	0	0	2	CHUYEN 1 PAX BK16-P10	
3	P10	18	1.360	20	136	0	0	20		
TOTAL		22	1.621	29	204	0	0	22		
WEIGHT KG			1.621		204		0			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/06/2025	TO: CLO - P9	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:55
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - TĐÔNG - TDUNG	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN TIÊN SINH	CLO	78	1	9	3	50	67	KHOAN	Vietnamese
2	HOANG VAN TRUNG	CLO	79	1	4			75	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM VĂN ĐƯỢC	CLO	80	1	6			68	KHOAN	Vietnamese
4	VŨ MINH TU	CLO	84	1	4			72	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN QUANG HUY	CLO	82	1	7			77	KHOAN	Vietnamese
6	VŨ NGỌC LUÂN	CLO	73	1	4			84	KHOAN	Vietnamese
7	CHU ĐỨC AI	CLO	83	1	2			77	KHOAN	Vietnamese
8	HOANG VAN BÓN	CLO	72	1	10			62	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG VAN THAI	CLO	71	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ XUÂN THUY	CLO	75	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
11	CHU QUYNH AN	CLO	76	1	4			108	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ MẠNH HÙNG	CLO	74	1	8			76	ANTOAN	Vietnamese
13	PHẠM VĂN TAM	CLO	81	1	2			64	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN MẠNH HÙNG	P9	54	1	10	3	50	82	KH-THAC	Vietnamese
15	NGÔ ĐỨC MINH	P9	58	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN THANH HAI	P9	56	1	5			82	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG MẠNH THẮNG	P9	53	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ MINH THUY (15598)	P9						82	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐOÀN QUỐC VIỆT	P9	57	1	9			96	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI NGOC THÂN	P9						74	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN HIEU	P9	55	1	4			68	YTE	Vietnamese
22	LÊ MINH THUY (5406)	P9	52	1	4			77	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CLO	13	962	13	73	3	50	5		
2	P9	9	704	7	42	3	50	17		
TOTAL		22	1.666	20	115	6	100	22		
WEIGHT KG			1.666		115		100			

GRAND TOAL: 1.881 KGS

VSP REP.

M. Thúc Hòa

VNH REP.

W. T. Thu Hương

CAPTAIN

Ng Thúc Đông



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/06/2025	TO: BK20 - TD3 - BK10	AIRCRAFT: 410	ETD: 10:05
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: QVIỆT - N.CƯỜNG -	ETA: 11:50
VANG-2		TOAN	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ VĂN TÍNH	BK20	29-30	2	14	1	20	81	XAYLAP	Vietnamese
2	PHẦN VĂN HIỆU	BK20	31	1	5	3	21	67	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN TÍNH	TD3	03	1	8			64	ĐANG KIẾN	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC TUẤN	TD3	05-06	2	16			77	ĐANG KIẾN	Vietnamese
5	VU HUU QUYET	TD3	09-10	2	13			71	ĐANG KIẾN	Vietnamese
6	NGUYỄN NAM CƯỜNG	TD3	08	1	5	1	58	85	KHOAN	Vietnamese
7	HA TRUNG ĐÔNG	TD3	01-02	2	12	1	18	75	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	TD3	04	1	5			87	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN ĐĂNG	TD3	12-13	2	17			82	KH-THAC	Vietnamese
10	NGO ĐANG ĐỨC	TD3						68	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ TÂN	TD3	07	1	8			77	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐO VĂN THAI	TD3	207	1	15			70	DVL	Vietnamese
13	BUI BACH DUONG	TD3	206	1	14			74	DVL	Vietnamese
14	PHẠM XUÂN MẠNH	TD3	11	1	6			67	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN CÔNG TÂN	BK10	07	1	3			85	KH-THAC	Vietnamese
16	NGO TUẤN HÙNG	BK10	09	1	3			54	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG VŨ	BK10				1	11	85	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM HOANG GIANG	BK10	08	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐO NHẬT QUI	BK10	05	1	15			65	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH SƠN	BK10	06	1	3			70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK20	2	148	3	19	4	41	0		
2	TD3	12	897	15	119	2	76	9	80kg	
3	BK10	6	439	5	29	1	11	13		
TOTAL		20	1.484	23	167	7	128	22		
WEIGHT KG			1.484		167		128			

GRAND TOTAL: 1.779 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/06/2025	TO: P10 - THOR - TD5	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: HUNG - SON - NNAM	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN VAN GIAP	P10	28	1	8	3	42	76	KH-THAC	Vietnamese
2	VU DINH CUONG	P10	35	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN CUONG	P10	31-32	2	9			70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN TOAN	P10	30	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VIET ANH	P10	25	1	3			73	KH-THAC	Vietnamese
6	LE CHI HIEU	P10	24	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM VAN THUYET	P10	26	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM QUOC CUONG	P10	44	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM HIEU LIEM	P10	27	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN CONG THANH	P10	45-46	2	13			85	KH-THAC	Vietnamese
11	DO HUU NAM	P10	33	1	16	1	25	71	KH-THAC	Vietnamese
12	NGO KIM NGHIEP	P10	40	1	11	1	13	83	CODIEN	Vietnamese
13	TRAN MANH CUONG	P10	36-37	2	20			73	CODIEN	Vietnamese
14	CHU TUAN ANH	P10	42	1	17	1	11	58	CODIEN	Vietnamese
15	HA VAN TRUONG	P10	22	1	13			57	XAYLAP	Vietnamese
16	BUI VAN TUYEN	P10	38-39	2	16			57	XAYLAP	Vietnamese
17	PHAM QUANG TRUONG	P10	21	1	16			82	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN ANH TUAN	P10	23	1	4			60	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN DAI PHU	P10	29	1	6			98	PSV	Vietnamese
20	LE THANH THAI	TD5	59	1	13			94	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN VAN THUAN	TD5	57-58	2	15			72	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P10	19	1.350	23	190	6	91	11		
2	THOR	0	0	0	0	0	0	9		
3	TD5	2	166	3	28	0	0	2		
TOTAL		21	1.516	26	218	6	91	22		
WEIGHT KG			1.516		218		91			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Pham Thai Son



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/06/2025	TO: MRM - CLO	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:15
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: VTHANG - PHU - TDUNG	ETA: 14:05
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	BUI MANH PHUC	MRM	23	1	2			75	KHOAN	Vietnamese
2	CAO VAN VIET	CLO	90	1	3	4	70	74	KHOAN	Vietnamese
3	LE VAN NGHIA	CLO	79	1	13			66	KHOAN	Vietnamese
4	DOAN HIEU	CLO	78	1	11			72	KHOAN	Vietnamese
5	PHAM DINH BAO	CLO	80	1	9	1	12	65	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN HOAI NAM	CLO	87-88	2	16			73	NAM TIEN	Vietnamese
7	NGUYEN DUC PHUC	CLO	89	1	10			58	NAM TIEN	Vietnamese
8	VO HOANG QUAN	CLO	72	1	9			77	NAM TIEN	Vietnamese
9	LA HAU	CLO	95-96	2	18			64	NAM TIEN	Vietnamese
10	TRUONG KIM TRUONG	CLO	91-92	2	14			79	NAM TIEN	Vietnamese
11	HA HUYNH XUAN CUONG	CLO	93-94	2	13			63	NAM TIEN	Vietnamese
12	LE VAN LAM	CLO	82	1	8			57	NAM TIEN	Vietnamese
13	TRAN ANH QUANG	CLO	98-99	2	20			80	CODIEN	Vietnamese
14	BUI DUC HAU	CLO	97	1	9	2	23	65	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYEN BA HUNG	CLO	81	1	7			82	DVL	Vietnamese
16	DO TRONG HIEN	CLO	75-76	2	16			70	DVL	Vietnamese
17	NGUYEN VAN LINH	CLO	84	1	6			71	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN DINH TIEN	CLO	77	1	6			71	PSV	Vietnamese
19	DO VAN QUANG	CLO	85	1	5			75	PSV	Vietnamese
20	HOANG HUU THO	CLO	86	1	4			71	PSV	Vietnamese
21	LE VAN HUNG	CLO	83	1	5			62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	MRM	1	75	1	2	0	0	1		
2	CLO	20	1.395	26	202	7	105	21		
TOTAL		21	1.470	27	204	7	105	22		
WEIGHT KG			1.470		204		105			

GRAND TOTAL: 1.779 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Nguyễn Hữu Phú



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/06/2025	TO: P2 - P11 - P9	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:20
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: DƯƠNG - NPHÚ - DTÙNG	ETA: 14:10
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VÕ ĐÌNH HÙNG	P2	55-56	2	21	1	30	63	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN HAI	P2	49-50	2	17			61	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU THĂNG	P2	51-52	2	13			75	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN THUY	P2	53-54	2	13			51	KHI (BIÊN ĐÔNG)	Vietnamese
5	THAI TRẦN PHONG	P2	27	1	14			69	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
6	VŨ VĂN PHÚC	P11	52	1	7			56	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN THẠCH	P11	53	1	6			54	PSV	Vietnamese
8	HOANG THAI LONG	P11	51	1	7	4	60	54	PSV	Vietnamese
9	PHẠM VĂN ĐỨC	P11	54-55	2	20	1	22	78	T-TIN	Vietnamese
10	TẠ TIÊN MẠNH	P9	38	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
11	NGÔ AN CHUNG	P9	46	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VIỆT CUÔNG	P9	47	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
13	HỒ SĨ BÌNH	P9	45	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ ĐÌNH THUẬN	P9	40	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM DUY PHÚC	P9	44	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
16	HỒ NAM TRUNG	P9	42-43	2	7			85	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN CAO CHI	P9	37	1	4			56	KH-THAC	Vietnamese
18	NGHIÊM ANH THANH	P9	39	1	9			67	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN VĂN HAI	P9	41	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TIÊN TÙNG	P9	36	1	4			84	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN MINH QUẢN	P9	48	1	13			81	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P2	5	319	9	78	1	30	2		
2	P11	4	242	5	40	5	82	4/1	CHUYEN 1 PAX P11-P9	
3	P9	12	861	13	71	0	0	16		
TOTAL		21	1.422	27	189	6	112	22		
WEIGHT KG			1.422		189		112			

GRAND TOAL: 1.723 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN